

Số:08/2018/DS-ST

Ngày: 30/3/2018

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;

2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:
Không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Nguyễn Văn Kha A, sinh năm 1980;

2/ Bà Thái Thị V, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: ấp W, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T có mặt tại phiên tòa, ông Kha A và bà V vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2017; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 09/02/2018 và tại phiên toà ông Mai Văn T trình bày:* Trước đây vợ chồng ông Kha A có thỏa thuận mua bán thuốc vật tư nông nghiệp với Công ty trách nhiệm hữu hạn ADC do ông là nhân viên bán hàng. Trong quá trình mua bán, vợ chồng ông Kha A có nợ tiền vật tư nông nghiệp của công ty là 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu đồng). Do vợ chồng ông Kha A không có tiền trả cho công ty, nên vợ chồng ông Kha A có nhờ ông trả thay số tiền trên, vì sợ ảnh hưởng đến công việc làm ăn với công ty nên ông có xuất ra 74.858.000đ (gồm gốc và lãi) để trả cho công ty thay cho ông Kha A. Đến ngày 08/7/2016, vợ chồng ông Kha A có trả lại cho ông được 60.000.000đ, còn nợ lại 14.300.000đ, ông Kha A có làm bản cam kết là đến ngày 30/12/2016 sẽ trả lại cho ông số tiền trên (trong đó ngày 30/9/2016 trả 7.500.000đ, số còn lại trả dứt điểm vào ngày 30/12/2016). Đến ngày 01/6/2017, ông Kha A có giao lại cho ông 07 chai thuốc trừ cỏ nhãn hiệu Topone với giá mỗi chai là 50. 000đ. Tổng số tiền là 350.000đ, trừ số tiền ông Kha A còn nợ ông là 14.300.000đ, thì vợ chồng ông Kha A còn nợ ông là 13.950.000đ.

Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Kha A phải trả lại cho ông số tiền còn nợ lại là 13.950.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho vợ chồng ông Kha A theo quy định của pháp luật, nhưng vợ chồng ông Kha A không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc khởi kiện của ông Thông và cũng không có mặt theo thông báo của Tòa án để tham gia giải quyết vụ án trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán thuốc vật tư nông nghiệp giữa công ty trách nhiệm hữu hạn ADC với vợ chồng ông Kha A là hoàn toàn có thật và thực tế đã xảy ra, được thể hiện bằng các phiếu giao nhận hàng giữa các bên.

[1] Trong quá trình mua bán thể hiện: Vợ chồng ông Kha A có nợ công ty ADC số tiền là 74.000.000đ, số tiền này được các bên thừa nhận bằng bản đối chiếu công nợ quá hạn vào tháng 7/2015, được bà Thái Thị V (vợ ông Kha A) xác nhận ngày 05/11/2015. Trong thời gian này, do sợ mất uy tín ảnh hưởng đến công việc làm ăn với ông ty nên đến ngày 06/10/2015, ông Thông có xuất ra số tiền 74.850.000đ để trả cho công ty thay cho ông Kha A, việc ông T trả nợ thay cho vợ chồng ông Kha A được thể hiện bằng phiếu thu số AR.4240 ngày 06/10/2015. Đến ngày 08/7/2016, vợ chồng ông Kha A thừa nhận còn nợ ông T cổ tiền trên và có trả cho ông T được 60.000.000đ, số tiền còn nợ lại 14.300.000đ, vợ chồng ông Kha A cam kết đến ngày 30/12/2016 sẽ trả dứt điểm.

Đến ngày 01/6/2017, ông Kha A có giao lại cho ông Thông 07 chai thuốc trừ cỏ nhãn hiệu Topone, với giá mỗi chai là 50.000đ. Tổng số tiền là 350.000đ, trừ số tiền ông Kha A còn nợ ông là 14.300.000đ, thì vợ chồng ông Kha A còn nợ ông là 13.950.000đ, nghĩ nên buộc vợ chồng ông Kha A có trách nhiệm trả lại cho ông Thông số tiền còn thiếu là 13.950.000đ, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2] Ngày 04/12/2017, ông Kha A có cung cấp cho Tòa án 01 phiếu giao hàng ngày 01/6/2017 (bản pho to) thể hiện bên ông Kha A có giao trả lại cho ông Thông 117 chai thuốc nhãn hiệu Topone với số tiền là 13.500.000đ, nhưng qua làm việc với ông Thông chỉ thừa nhận có nhận lại của ông Kha A 07 chai thuốc nhãn hiệu Topone với số tiền là 350.000đ, còn số lượng 117 chai và số tiền là 13.500.000đ là do ông Kha A chỉnh sửa rồi pho to lại cung cấp cho Tòa án. Ngày 08/12/2017, Tòa án có thông báo yêu cầu vợ chồng ông Kha A, yêu cầu cung cấp bản gốc phiếu giao hàng ngày 01/6/2017 nhưng đến nay đã hết thời hạn theo thông báo nhưng vợ chồng ông Kha A vẫn không cung cấp các chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Hơn nữa, ngày 25/01/2018, Tòa án có thông báo cho vợ chồng ông Kha A để đối chất với ông T làm rõ số lượng thuốc mà ông Kha A đã giao trả lại cho ông T nhưng đã hết thời hạn theo thông báo nhưng vợ chồng ông Kha A vẫn không có mặt theo quy định. Do đó, không có căn cứ để xác định ông Thông có nhận lại của ông là 117 chai thuốc trị giá là 13.500.000đ. Do đó, nghĩ nên buộc vợ chồng ông Kha A có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền còn thiếu là 13.950.000đ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Do yêu cầu của ông Thông là có căn cứ chấp nhận, nên vợ chồng ông Kha A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông Kha A vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông Kha A đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Kha A là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Mai Văn T đối với ông Nguyễn Văn Kha A và bà Thái Thị V.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn Kha A và bà Thái Thị V có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Mai Văn T số tiền còn thiếu là 13.950.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Kha A và bà Thái Thị V phải liên đới nộp 697.500đ (Sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Văn T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.500đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 17120 ngày 08/11/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ